



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 35 142 417 Fax: (84 - 4) 38 560 629

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 - 6 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 7 - 9 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 10 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 11 |
| BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 12 - 58 |

226
G T
EMH
VAB
CNA
T

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính 2014 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

| | |
|----------------------|--------------|
| Ông Nguyễn Gia Du | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Thế Thành | Phó chủ tịch |
| Ông Hoàng Chí Cường | Ủy viên |
| Ông Trần Đức Y | Ủy viên |

Ban Kiểm soát

| | |
|-----------------------|------------|
| Bà Nguyễn Thị Thu Nga | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Ngọc Cường | Thành viên |
| Ông Trần Thế Phương | Thành viên |

Ban Tổng giám đốc

| | |
|---------------------|-------------------|
| Ông Hoàng Chí Cường | Tổng giám đốc |
| Ông Chu Tuấn Ngọc | Phó Tổng giám đốc |
| Ông Nguyễn Hữu Sơn | Phó Tổng giám đốc |
| Ông Tạ Đăng Tính | Phó Tổng giám đốc |

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM



Hoàng Chí Cường
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2015



Số: 291 -15/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 20/05/2015, từ trang 07 đến trang 58, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi và xem xét trích lập dự phòng các khoản phải thu khách hàng, ứng trước cho người bán. Đồng thời, Công ty cũng đang ghi nhận doanh thu của Dự án Xi măng Đông Lâm với số tiền là 12.771.739.725 đồng theo "Đề nghị xuất hóa đơn của khách hàng". Đến thời điểm phát hành báo cáo này Kiểm toán viên chưa được cung cấp hồ sơ thanh quyết toán của công trình.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Trong năm 2014, Chi nhánh Xây dựng và nội thất của Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất chưa kết chuyển hết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của công trình Apatit Lào Cai đã quyết toán với chủ đầu tư và ghi nhận hết doanh thu với giá trị là 3.142.721.598 đồng.

Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp, Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hoá chất và Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn chưa tiến hành đối chiếu đầy đủ số dư công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 31/12/2014. Chúng tôi đã áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế, tuy nhiên các thủ tục kiểm toán này cũng không cung cấp được cho chúng tôi các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp nhằm đưa ra ý kiến nhận xét về số dư các khoản công nợ nêu trên được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2014.

Chúng tôi không được tham gia chứng kiến công việc kiểm kê thực tế hàng tồn kho của Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp - Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới tại thời điểm 31/12/2014 và các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với số lượng hàng tồn kho tại thời điểm đó. Do số dư các khoản mục nêu trên tại thời điểm cuối năm có ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh đối với chỉ tiêu có liên quan trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm 2014 hay không. Do đó, chúng tôi đã không thể đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hoá chất chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ đã quá hạn thanh toán theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính với giá trị ước tính phải trích lập là 7.148.973.060 đồng. Công ty cũng đang ghi nhận thiếu chi phí lãi vay phải trả đối với các khoản vay ngắn hạn với giá trị ước tính là 216.664.000 đồng vào Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2014. Theo đó bất kỳ sự điều chỉnh nào có liên quan đến các khoản mục này đều ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Năm 2014 toàn bộ chi phí lãi vay cá nhân phát sinh tại các Chi nhánh thuộc Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất không được các đơn vị ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm theo Công văn số 238/CV-XLHC-TCKT ngày 05/09/2014 của Công ty do các Chi nhánh thực hiện huy động vốn không đúng thẩm quyền.

Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất Hà Bắc chưa thực hiện đối chiếu các khoản vay cá nhân với số tiền là 2.050.000.000 đồng và khoản lãi vay cá nhân với số tiền là 997.729.556 đồng tại thời điểm 31/12/2014. Đồng thời, Công ty chưa ghi nhận lãi chậm nộp bảo hiểm lũy kế từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2014 theo Thông báo của cơ quan bảo hiểm tỉnh Bắc Giang với số tiền là 1.631.475.279 đồng vào Báo cáo kết quả kinh doanh (do Công ty đã có Công văn số 832/HACHEMMECO - TCHC ngày 31/10/2013 đề nghị Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Giang khoan nợ và miễn tính lãi chậm nộp. Ngày 31/12/2014, Công ty nhận được Công văn của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang số 3790/KL - UBND có ý kiến tại điểm 3, mục IV công văn này với nội dung: Đề nghị Cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét, có chính sách khoan nợ, miễn hoặc giảm tiền lãi chậm nộp cho những doanh nghiệp thực sự khó khăn trong giai đoạn vừa qua để tạo điều kiện cho doanh nghiệp có cơ hội khôi phục lại sản xuất).

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
(tiếp theo)

Tại 31/12/2014 khoản lỗ lũy kế của Tổng Công ty đã vượt quá vốn chủ sở hữu là 228.899.983.702 đồng. Vấn đề này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty trong các năm tài chính tiếp theo (nguyên nhân do lỗ lũy kế của Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn là 867.674.535.512 đồng). Báo cáo tài chính và các thuyết minh kèm theo đã không trình bày vấn đề này.

Báo cáo kiểm toán được lập thành mười (10) bản bằng tiếng Việt. Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam giữ chín (09) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn
Tổng giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2013-034-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nghiêm Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1914-2013-034-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|------------|--------------|--------------------------|--------------------------|
| A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150) | 100 | | 3.254.403.104.307 | 3.450.389.269.434 |
| I Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1. | 598.374.661.984 | 466.421.743.876 |
| 1 Tiền | 111 | | 206.131.063.408 | 317.443.150.432 |
| 2 Các khoản tương đương tiền | 112 | | 392.243.598.576 | 148.978.593.444 |
| II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | V.2. | 838.973.154 | 11.984.881.612 |
| 1 Đầu tư ngắn hạn | 121 | | 1.729.000.000 | 12.093.814.305 |
| 2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | (890.026.846) | (108.932.693) |
| III Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 1.118.675.566.533 | 1.424.684.423.952 |
| 1 Phải thu của khách hàng | 131 | | 956.827.013.893 | 1.199.835.774.118 |
| 2 Trả trước cho người bán | 132 | | 177.408.033.340 | 195.382.340.572 |
| 5 Các khoản phải thu khác | 135 | V.3. | 125.880.245.581 | 125.172.499.129 |
| 6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | (141.439.726.281) | (95.706.189.867) |
| IV Hàng tồn kho | 140 | V.4. | 1.414.882.619.570 | 1.428.407.815.305 |
| 1 Hàng tồn kho | 141 | | 1.417.809.747.202 | 1.431.339.029.590 |
| 2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (2.927.127.632) | (2.931.214.285) |
| V Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 121.631.283.066 | 118.890.404.689 |
| 1 Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 3.198.022.932 | 7.880.519.448 |
| 2 Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 35.576.006.689 | 22.176.422.637 |
| 3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | V.5. | 11.511.040.526 | 7.395.553.581 |
| 4 Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 71.346.212.919 | 81.437.909.023 |
| B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269) | 200 | | 4.061.600.503.958 | 4.282.510.714.753 |
| I Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | 947.793.633 |
| 4 Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | 947.793.633 |
| II Tài sản cố định | 220 | | 3.505.009.316.756 | 3.563.247.536.756 |
| 1 Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.6. | 3.463.269.762.592 | 3.525.563.002.379 |
| - Nguyên giá | 222 | | 4.416.236.775.670 | 4.288.272.583.416 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (952.967.013.078) | (762.709.581.037) |
| 2 Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.7. | 3.576.077.472 | 3.325.381.677 |
| - Nguyên giá | 225 | | 4.299.137.274 | 3.590.046.365 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (723.059.802) | (264.664.688) |
| 3 Tài sản cố định vô hình | 227 | V.8. | 16.949.132.201 | 16.507.425.317 |
| - Nguyên giá | 228 | | 21.267.549.786 | 20.487.631.058 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (4.318.417.585) | (3.980.205.741) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.9. | 21.214.344.491 | 17.851.727.383 |
| IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.10. | 135.348.215.454 | 135.920.639.159 |
| 2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 100.336.999.639 | 99.886.170.813 |
| 3 Đầu tư dài hạn khác | 258 | | 36.797.945.307 | 38.450.945.307 |
| 4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | (1.786.729.492) | (2.416.476.961) |
| V Tài sản dài hạn khác | 260 | | 421.242.971.748 | 582.394.745.205 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.11. | 411.590.636.938 | 575.111.652.988 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 529.596.764 | 2.772.950.734 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | 9.122.738.046 | 4.510.141.483 |
| VI Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 7.316.003.608.265 | 7.732.899.984.187 |

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 58 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này).

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 7.337.396.050.148 | 7.560.704.873.235 |
| I Nợ ngắn hạn | 310 | | 3.114.092.781.234 | 3.346.429.549.710 |
| 1 Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.12. | 403.620.933.879 | 541.691.901.239 |
| 2 Phải trả người bán | 312 | | 1.054.984.447.913 | 1.356.186.152.701 |
| 3 Người mua trả tiền trước | 313 | | 622.374.443.071 | 642.890.435.268 |
| 4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.13. | 90.045.700.197 | 97.676.279.521 |
| 5 Phải trả người lao động | 315 | | 202.477.187.057 | 149.434.906.448 |
| 6 Chi phí phải trả | 316 | V.14. | 395.440.627.726 | 193.286.807.064 |
| 9 Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319 | V.15. | 266.962.370.609 | 331.329.388.892 |
| 10 Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | 67.494.621.649 | 22.876.704.911 |
| 11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 10.692.449.133 | 11.056.973.666 |
| II Nợ dài hạn | 330 | | 4.223.303.268.914 | 4.214.275.323.525 |
| 3 Phải trả dài hạn khác | 333 | | 79.180.803.709 | 77.588.222.089 |
| 4 Vay và nợ dài hạn | 334 | V.16. | 4.055.447.901.424 | 4.088.038.989.948 |
| 5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | 44.947.565 |
| 7 Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | 73.517.281.965 | 35.764.942.254 |
| 8 Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | 15.157.281.816 | 12.838.221.669 |
| B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430) | 400 | | (228.899.983.702) | (18.940.696.919) |
| I Vốn chủ sở hữu | 410 | V.17. | (228.899.983.702) | (18.940.696.919) |
| 1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 550.000.000.000 | 550.000.000.000 |
| 2 Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3 Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | 1.659.585.105 | - |
| 4 Cổ phiếu quỹ | 414 | | (9.225.900) | (9.225.900) |
| 5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | 3.332.421 | 1.216.802 |
| 7 Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 24.052.517.500 | 24.126.551.229 |
| 8 Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 6.295.084.719 | 5.771.997.706 |
| 9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | (810.901.277.548) | (598.831.236.756) |
| II Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1 Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 | | - | - |
| C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 439 | | 207.507.541.819 | 191.135.807.871 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439) | 440 | | 7.316.003.608.265 | 7.732.899.984.187 |

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 58 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này).

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|--|-------------|----------------|---------------|
| 1. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công | | 34.394.000 | 34.394.000 |
| 2. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - |
| 3. Nợ khó đòi đã xử lý | | 13.738.255.503 | 4.859.173.559 |
| 4. Ngoại tệ các loại | | | |
| <i>Đồng USD</i> | | 146.260,57 | 417.009,56 |
| <i>Đồng EUR</i> | | 1,08 | 1,08 |

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2015

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Người lập



Vũ Ngọc An

Kế toán trưởng



Hoàng Thế Hiện



Hoàng Chí Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DOANH KINH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2014 | Năm 2013 |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.18. | 6.063.073.425.959 | 4.910.274.592.423 |
| 2 Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.19. | 19.013.485.290 | 26.645.229.700 |
| 3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | VI.20. | 6.044.059.940.669 | 4.883.629.362.723 |
| 4 Giá vốn hàng bán | 11 | VI.21. | 5.621.821.475.133 | 4.502.122.941.497 |
| 5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 422.238.465.536 | 381.506.421.226 |
| 6 Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.22. | 182.579.352.494 | 23.420.522.755 |
| 7 Chi phí tài chính | 22 | VI.23. | 424.649.492.069 | 330.978.006.593 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 254.033.423.110 | 299.082.239.530 |
| 8 Chi phí bán hàng | 24 | | 37.309.527.552 | 34.226.801.233 |
| 9 Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 324.531.087.694 | 281.828.179.717 |
| 10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)} | 30 | | (181.672.289.285) | (242.106.043.562) |
| 11 Thu nhập khác | 31 | | 77.835.224.527 | 46.806.344.747 |
| 12 Chi phí khác | 32 | | 27.463.037.901 | 11.287.353.219 |
| 13 Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 50.372.186.626 | 35.518.991.528 |
| 14 Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh | 45 | | 5.794.832.535 | 4.959.653.863 |
| 15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45) | 50 | | (125.505.270.124) | (201.627.398.171) |
| 16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | 20.334.390.755 | 14.163.082.483 |
| 17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | 2.243.353.970 | (13.373.540) |
| 18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | (148.083.014.849) | (215.777.107.115) |
| 18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 61 | | 26.511.760.640 | 11.643.728.831 |
| 18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ | 62 | | (174.594.775.489) | (227.420.835.946) |
| 19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.24. | (3.174,45) | (4.134,92) |

(*) Trong đó:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh là: 92.770.561.705 đồng.

- Số lỗ của Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn là: (240.853.576.554) VND.

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2015

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Người lập

Kế toán trưởng




Vũ Ngọc An

Hoàng Thế Hiến

Tổng giám đốc



Hoàng Chí Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

| TT | Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2014 | Năm 2013 |
|-------------|--|-----------|-------------|--------------------------|-------------------------|
| I. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. | Tiền thu từ bán hàng, CCDV và doanh thu khác | 01 | | 7.663.853.286.710 | 5.295.781.364.199 |
| 2. | Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ | 02 | | (4.995.537.792.079) | (3.836.902.556.562) |
| 3. | Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (432.759.591.353) | (399.041.514.458) |
| 4. | Tiền chi trả lãi vay | 04 | | (37.522.300.790) | (59.164.098.065) |
| 5. | Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | | (19.127.758.941) | (16.988.313.268) |
| 6. | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 303.270.654.959 | 959.701.194.795 |
| 7. | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (2.182.013.232.765) | (2.001.624.328.624) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 300.163.265.741 | (58.238.251.983) |
| II. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác | 21 | | (48.298.031.803) | (14.019.504.139) |
| 2. | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | | 1.573.756.161 | 2.917.009.579 |
| 3. | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (20.100.000.000) | (3.400.000.000) |
| 4. | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 22.000.000.000 | 4.800.000.000 |
| 5. | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 26 | | 19.164.814.305 | - |
| 7. | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 25.254.283.762 | 38.494.708.569 |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (405.177.575) | 28.792.214.009 |
| III. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 3. | Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 2.037.093.239.188 | 2.281.149.893.273 |
| 4. | Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (2.197.956.266.610) | (2.059.403.133.725) |
| 5. | Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | (1.131.184.188) | (1.041.247.497) |
| 6. | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (5.980.105.622) | (27.414.819.970) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (167.974.317.232) | 193.290.692.081 |
| | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40) | 50 | | 131.783.770.934 | 163.844.654.107 |
| | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 466.421.743.876 | 302.547.359.016 |
| | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 169.147.174 | 29.730.753 |
| | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61) | 70 | V.1. | 598.374.661.984 | 466.421.743.876 |

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2015

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Người lập



Vũ Ngọc An

Kế toán trưởng



Hoàng Thế Hiến

Tổng giám đốc



Hoàng Chí Cường